TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** Bản án số: 1730/2020/HNGĐ-ST Ngày 30-9-2020 V/v tranh chấp ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thiều Đình Thu;

2. Bà Đặng Thị Huệ Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Hoàng Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 648/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4650/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Minh K, cư trú tại: Số A, đường B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. (vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà H, địa chỉ: Số X, đường Y, LeipZig, Germany (Đức) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 07 tháng 11 năm 2019 và lời khai của nguyên đơn – ông Phạm Minh K thì: Ông và bà H sống chung tại Đức đến năm 2006 thì Ông bị trục xuất về Việt Nam. Năm 2007, bà H về Việt Nam chơi và đăng ký kết hôn với Ông tại Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, Việt Nam, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 96, quyển số 01/2007, ngày 20/9/2007. Sau đó, bà H trở về Đức, Ông có làm đơn xin đoàn tụ gia đình tại Đại sứ quán Đức tại Hà Nội nhưng đều bị bác đơn. Ông và bà H đã ly thân 12 năm do xa cách nhau. Do tình cảm không

còn, nên Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho Ông được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông và bà H có một con chung là Phạm P (sinh ngày 11/3/2004) hiện đang ở với bà H tại Đức. Ông đề nghị giao con cho bà H, Ông không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông đề nghị Tòa án không hòa giải và xét xử vắng mặt Ông.

Tại Bản tự khai, Giấy ủy quyền và Đơn xin vắng mặt đã được Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức hợp pháp hóa lãnh sự ngày 09/3/2020, bà H thống nhất với lời trình bày của ông Phạm Minh K về con chung, tài sản chung. Bà đồng ý ly hôn ông Phạm Minh K.

Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là Phạm P (sinh ngày 11/3/2004), không yêu cầu ông Phạm Minh K cấp dưỡng.

Bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt Bà.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ Khoản 2, Điều 37; Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa Gia đình và Người chưa thành niên – Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm Minh K và bà H là hợp pháp. Theo trình bày thống nhất của hai bên đương sự thì hai người thường xuyên mâu thuẫn với nhau do khoảng cách ở xa; tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông Phạm Minh K yêu cầu ly hôn bà H. Bà H cũng đồng ý ly hôn ông Phạm Minh K nên căn cứ vào Khoản 1, Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phạm Minh K. Ông Phạm Minh K và bà H thống nhất trình bày có 01 con chung là Phạm P (sinh ngày 11/3/2004) hiện đang ở với bà H tại Đức, thống nhất thỏa thuận giao con cho bà H trực tiếp nuôi, không yêu cầu ông Phạm Minh K cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị ghi nhận. Ông Phạm Minh K và bà H thống nhất trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Phạm Minh K khởi kiện yêu cầu ly hôn bà H đang cư trú tại CHLB Đức, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa Gia đình và Người chưa thành niên – Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại Khoản 1, Điều 28; Điều 35; Điều 37; Điểm a, Khoản 2, Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Phạm Minh K có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải; bà H và ông Phạm Minh K đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải và tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H và ông Phạm Minh K theo quy định tại Khoản 4, Điều 207 và Khoản 1, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn Giấy chứng nhận kết hôn số 96, quyển số 01/2007, ngày 20/9/2007 do Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An cấp thì hôn nhân giữa bà H và ông Phạm Minh K là hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của bà H và ông Phạm Minh K thì trong thời kỳ hôn nhân vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn do khoảng cách địa lý ở xa; không cùng nhau chia sẻ, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; tình cảm vợ chồng không còn và hai bên đều đồng ý ly hôn. Căn cứ vào Khoản 1, Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, thì bà H và ông Phạm Minh K đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông Phạm Minh K có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông Phạm Minh K và bà H thống nhất trình bày có 01 con chung là Phạm P (sinh ngày 11/3/2004), giới tính: Nam. Ông Phạm Minh K và bà H thống nhất thỏa thuận giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi; không yêu cầu ông Phạm Minh K cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Bà H và Ông Phạm Minh K thống nhất trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điểm a, Khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án, thì do ông Phạm Minh K khởi kiện yêu cầu ly hôn nên ông Phạm Minh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1, Điều 28; Điều 35; Điều 37; Điều 38; Khoản 4, Điều 147; Khoản 4, Điều 207; Khoản 1, Điều 273; Khoản 1, Khoản 2, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 19; Khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 26/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Ông Phạm Minh K được ly hôn bà H.

2. Về con chung: Giao trẻ Phạm P, giới tính: Nam, sinh ngày 11/3/2004 cho bà H trực tiếp nuôi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông Phạm Minh K cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Minh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Phạm P, không ai có quyền cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, các bên có thể thỏa thuận thay đổi mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Minh K phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0045067 ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Phạm Minh K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7 và

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày đối với ông Phạm Minh K và 01 (một) tháng đối với bà H kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ cho họ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (02);
- Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Lưu: HSVA, VT (TM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Thiều Đình Thu	**Trần Thanh Minh**